

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HS-ST

Ngày: 26 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Linh.

2. Ông Nguyễn Trọng Di.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Vĩnh Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 12/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 09/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn M (B), sinh ngày 23/7/2004, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố H2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Khu phố M, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn S và bà Phan Thị T; Vợ, con: Không có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 26/02/2021 bị Công an thị trấn Phan Rí Cửa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (đến nay chưa nộp phạt).

Nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tuyên phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 40/2022/HSST ngày 17/3/2022.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Sông Cái theo bản án số 40/2022/HSST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn D, sinh năm 2000, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Khu

phố M, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H3 và bà Nguyễn Thị T3; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 06 ngày 09/5/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phong, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn C (N), sinh năm 1987, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố H3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Thôn L, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phú H4 và bà Ngô Thị P; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 09/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn M và bị cáo Nguyễn Văn K:* Ông **Nguyễn Trường D** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

- *Bị hại:* Ông **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bị cáo **Nguyễn Văn K**, sinh năm 2003. (Vắng mặt)

- *Bị đơn dân sự:*

1. Ông **Nguyễn S**, sinh năm 1983 và bà **Phan Thị T**, sinh năm 1983. (Cha mẹ ruột của bị cáo M, đều vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968, bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1973. (Cha mẹ ruột của bị cáo K, đều vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Ngô Thị Xuân T1**, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà **Nguyễn Minh H1**, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông **Vòng Cống S1**, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

4. Bà **Phùng Thị C**, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố M3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

5. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn K, Nguyễn M, Lê Văn D, Nguyễn Văn C là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cho cá nhân, các bị cáo đã rủ nhau thực hiện 5 lần trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào trưa ngày 27/7/2021, Nguyễn M rủ Nguyễn Văn K đi trộm cắp tài sản bán kiếm tiền mua ma túy sử dụng thì K đồng ý. Cả hai cùng đi bộ ra hướng siêu thị Coopmart thị trấn Phan Rí Cửa để tìm tài sản trộm cắp, khi đến quán cà phê Mũi Tàu thuộc Thôn L, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận do ông Nguyễn Đình H là chủ sở hữu. M và K thấy quán cà phê không ai trông coi nên cả hai leo hàng rào vào bên trong quán, K khiêng 03 cái ghế còn M khiêng 3 cái ghế khung kim loại (yên và mặt ghế lót gỗ) rồi mang ra khu vực đất trống gần nhà M dùng đá đập 06 cái ghế trên để lấy khung kim loại mang đi bán phế liệu. M mang số khung kim loại trên đến nhà bà Phùng Thị C làm nghề thu mua phế liệu bán được số tiền 180.000 đồng lấy tiền tiêu xài.

Lần thứ hai: Chiều ngày 27/7/2021, M và K đến lại quán cà phê Mũi Tàu, quan sát thấy không ai trông coi nên cả hai tiếp tục leo hàng rào vào bên trong quán. K khiêng 02 cái ghế còn M khiêng 3 cái ghế khung kim loại (yên và mặt ghế lót gỗ) rồi mang ra khu vực đất trống gần nhà M, dùng đá đập 05 cái ghế trên để lấy khung kim loại mang đi bán phế liệu. Lần này M mang đi bán cho ông Vòng Cống S1 được số tiền 160.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Lần thứ ba: Sáng ngày 28/7/2021, M cùng K tiếp tục đến quán cà phê Mũi Tàu, quan sát không có ai trông coi nên cả hai leo hàng rào vào bên trong quán. K khiêng 03 cái ghế còn M khiêng 3 cái ghế khung kim loại (yên và mặt ghế lót gỗ) rồi mang ra khu vực đất trống gần nhà M và dùng đá nhặt ven đường đập 06 cái ghế trên để lấy khung kim loại mang đi bán phế liệu. M mang đi bán cho Vòng Cống S1 được số tiền 180.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Lần thứ tư: Chiều ngày 28/7/2021, K rủ Nguyễn Văn C đến quán cà phê Mũi Tàu để trộm cắp tài sản, C đồng ý điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 86B1-321.63 (mượn của em ruột) chở K đến quán cà phê Mũi Tàu. K một mình leo vào lấy 03 cái ghế khung kim loại (yên và mặt ghế lót gỗ) rồi cùng C mang đến bán cho Ngô Thị Xuân T1 được số tiền 100.000 đồng tiêu xài.

Lần thứ năm: Trưa ngày 29/7/2021, K, M rủ Lê Văn D đến quán cà phê Mũi Tàu để trộm cắp tài sản, D đồng ý, quan sát không có ai trông coi nên cả ba leo vào bên trong quán. D khiêng 05 cái ghế còn M khiêng 7 cái ghế khung kim loại (yên và mặt ghế lót gỗ), khi ra khỏi quán M chia cho K khiêng 3 cái ghế còn M chỉ khiêng 4 cái ghế rồi cùng nhau chạy về phía rừng Dương gần đó mục đích đập lấy khung kim loại đi bán nhưng khi vừa vào khu vực rừng Dương thì bị người dân

phát hiện hô hoán nên M, K, D vớt bỏ 12 cái ghế tại đây rồi bỏ chạy về nhà. Nguyễn Đình H đến hiện trường chỉ thu hồi được 10 cái ghế do các bị cáo bỏ lại. Sau đó gửi đơn tố cáo đến Công an xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong trình báo bị mất 60 cái ghế khung kim loại (yên và mặt ghế lót gỗ) tại quán cà phê Mũi Tàu.

Căn cứ biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐG ngày 18/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tuy Phong, kết luận: 60 cái ghế khung kim loại (yên và mặt ghế lót gỗ) trị giá 1.200.000 đồng/cái x 90% = 64.800.000 đồng (sáu mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và căn cứ lời khai nhận của các bị cáo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Phong đã chứng minh được các bị cáo K, M, D và C đã trộm cắp tổng cộng 32 cái ghế, trị giá 34.560.000 đồng. Trong đó Nguyễn Văn K chịu trách nhiệm chung với tất cả 32 cái ghế, có giá trị là: 34.560.000 đồng; Nguyễn M chịu trách nhiệm chung 29 cái ghế, có giá trị là: 31.320.000 đồng; Lê Văn D chịu trách nhiệm chung 12 cái ghế, có giá trị là: 12.960.000 đồng; Nguyễn Văn C chịu trách nhiệm chung 03 cái ghế, có giá trị là: 3.240.000 đồng.

Trong giai đoạn truy tố, bị cáo Nguyễn Văn K đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ đang ở đâu nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã đề nghị truy nã, khi nào bắt được sẽ tiếp tục xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSTP-HS ngày 12/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố các bị cáo Nguyễn M, Lê Văn D và Nguyễn Văn C cùng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:* Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn M, Lê Văn D và Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn M từ 12 – 15 tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 09 – 12 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn C từ 09 – 12 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn M, Lê Văn D, Nguyễn Văn K, cha mẹ của bị cáo M là ông Nguyễn S, bà Phan Thị T, cha mẹ của bị cáo K là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị G phải liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình H số tiền là 20.520.000 đồng. Chia phần:

+ Bị cáo Nguyễn M và cha mẹ của bị cáo M là ông Nguyễn S, bà Phan Thị T phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình H số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Văn K và cha mẹ của bị cáo K là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị G phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình H số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Lê Văn D phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình H số tiền 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- *Ý kiến người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn M và bị cáo Nguyễn Văn K:*

+ Thống nhất và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Về hình phạt, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

+ Thống nhất và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo K.

- *Ý kiến bị cáo Nguyễn M:* Thống nhất ý kiến người bào chữa, không bổ sung gì thêm. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu là đúng, không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Ý kiến bị cáo Nguyễn Văn C:* Thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu là đúng, không oan. Thống nhất và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, chỉ có mặt bị cáo Nguyễn M, Nguyễn Văn C, người bào chữa Nguyễn Trường D, những người tham gia tố tụng khác đều vắng mặt. Xét thấy, bị cáo D và bị cáo K (được Viện kiểm sát tách thành vụ án độc lập khác) đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đã trốn và việc truy nã không có kết quả; bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn dân sự, người làm chứng đều vắng mặt, không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn M và bị cáo Nguyễn Văn C thừa nhận hành vi phạm tội. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 27, 28, 29/7/2021 tại quán cà phê Mũi Tàu thuộc Thôn L, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận do ông Nguyễn Đình H làm chủ, các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn M, Lê Văn D, Nguyễn Văn C cố ý cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật của ông Nguyễn Đình H, cụ thể:

- Vào trưa ngày 27/7/2021, bị cáo K cùng bị cáo M lén lút chiếm đoạt tổng cộng 06 cái ghế.

- Vào chiều ngày 27/7/2021, bị cáo K cùng bị cáo M lén lút chiếm đoạt tổng cộng 05 cái ghế.

- Vào sáng ngày 28/7/2021, bị cáo K cùng bị cáo M lén lút chiếm đoạt tổng cộng 06 cái ghế.

- Chiều ngày 28/7/2021, bị cáo K cùng bị cáo C lén lút chiếm đoạt 03 cái ghế.

- Trưa ngày 29/7/2021, bị cáo K cùng bị cáo M, bị cáo D lén lút chiếm đoạt tổng cộng 12 cái ghế.

Căn cứ kết luận định giá tài sản thì giá trị mỗi cái ghế bị chiếm đoạt trị giá 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo K và bị cáo M là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đi trộm cắp tài sản, các bị cáo đều là người thực hành, các bị cáo phải tự chịu trách nhiệm hình sự đối với các lần cùng thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do đó, Nguyễn M phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm 29 cái ghế trị giá 31.320.000 đồng; Lê Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm 12 cái ghế trị giá 12.960.000 đồng; Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm 03 cái ghế trị giá 3.240.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn M, Lê Văn D, Nguyễn Văn C đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo M 04 lần trộm cắp tài sản mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo D, bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo D và bị cáo C “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng mà không phải lao động hợp pháp, các bị cáo đã cố ý cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh ở địa phương, do đó cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo M dưới 18 tuổi do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét hình phạt đối với bị cáo M theo quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản án số 40/2022/HSST ngày 17/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn M 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nay bị cáo lại bị xét xử về tội phạm trước khi có bản án số 40/2022/HSST, do đó Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo M, bị cáo D, bị cáo C và bị cáo K phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 20.520.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tương đương giá trị của 19 cái ghế.

Xét thấy, bị hại bị chiếm đoạt tổng cộng 32 cái ghế, bị hại tự thu hồi được 10 cái ghế, Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại 03 cái ghế (bị cáo K cùng bị cáo C đã chiếm đoạt vào chiều ngày 28/7/2021).

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo M, bị cáo D và bị cáo K phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 20.520.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tương đương giá trị của 19 cái ghế. Không buộc bị cáo C phải liên đới bồi thường. Cụ thể:

- Bị cáo K, bị cáo M phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Đình H số tiền 18.360.000 đồng (mười tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) (1.080.000 đồng/ghế x 17 cái ghế). Chia phần, mỗi bị cáo phải bồi thường 9.180.000 đồng (chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bị cáo K, bị cáo M, bị cáo D phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Đình H số tiền 2.160.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) (1.080.000 đồng/ghế x 02 cái ghế). Chia phần, mỗi bị cáo phải bồi thường 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền từng bị cáo phải bồi thường cho người bị hại như sau:

- Bị cáo K: 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng).
- Bị cáo M: 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng).
- Bị cáo D: 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Do bị cáo M, bị cáo K thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản khi chưa đủ 18 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự thì:

- Trong trường hợp bị cáo M không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ của bị cáo M là ông Nguyễn S, bà Phan Thị T phải có trách nhiệm bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình cho bị hại.

- Trong trường hợp bị cáo K không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ của bị cáo K là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị G phải có trách nhiệm bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình cho bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 03 cái ghế cho bị hại là có căn cứ; trả cho Nguyễn Thị T2 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 86B1-321.63 do Nguyễn Thị T2 không biết bị cáo C mượn và sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý là đúng.

Đối với Phùng Thị C, Vòng Cống S1, Ngô Thị Xuân T1 đã thu mua ghế dưới dạng phế liệu, không biết đây là tài sản trộm cắp nên không xem xét xử lý là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn M, Lê Văn D, Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo M, bị cáo K mỗi bị cáo phải chịu 495.000 (bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn M, Lê Văn D, Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn M** 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 40/2022/HSST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 09/3/2022.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn D** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn C** 06 (sáu) tháng 19 (mười chín) ngày tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam tính từ ngày 09/01/2022 đến ngày 26/7/2022, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

2. Về bồi thường dân sự:

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn M, bị cáo Lê Văn D và bị cáo Nguyễn Văn K phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Đình H tổng số tiền là 20.520.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Chia phần như sau:

- Bị cáo Nguyễn M phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình H tổng số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn K phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình H tổng số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Lê Văn D phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình H số tiền 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Trường hợp bị cáo Nguyễn M không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường cho ông Nguyễn Đình H tổng số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng) thì cha mẹ của bị cáo M là ông Nguyễn S, bà Phan Thị T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình cho ông Nguyễn Đình H cho đến khi đủ số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn K không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường cho ông Nguyễn Đình H tổng số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng) thì cha mẹ của bị cáo K là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình cho ông Nguyễn Đình H cho đến khi đủ số tiền 9.900.000 đồng (chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Áp dụng: Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn M, Lê Văn D, Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn M phải chịu 495.000 (bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 495.000 (bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn M, bị cáo Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Lê Văn D, bị hại Nguyễn Đình H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn K, bị đơn dân sự Nguyễn S, Phan Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Vũ